

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH A

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Viết Anh.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A tham gia phiên họp: Ông Hoàng Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh A mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 130/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 94/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trần Đức T, sinh năm 1992.

ĐKKHKT: TDP 4, phường H, thành phố Đ, tỉnh Q.

Hiện nay đang ở nước ngoài.

- Chị Nguyễn Thị Như Q, sinh năm 1993.

ĐKKHKT: TDP 4, phường H, thành phố Đ, tỉnh Q.

Hiện đang làm việc tại: Công ty TNHH MTV Dương Thành Tiến

Địa chỉ: khu 5, xã X, huyện H, tỉnh A.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Văn T, sinh năm 1971,

- Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1971.

ĐKKHKT: TDP 4, phường H, thành phố Đ, tỉnh Q.

(Các đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và các lời khai tiếp theo, anh Trần Đức T và chị Nguyễn Thị Như Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Đức T và chị Nguyễn Thị Như Q đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu ngày 28/12/2016 tại Ủy ban nhân dân phường Hải Thành, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó một thời gian, anh Trần Đức T đi lao động tại Canada, từ đó đến nay giữa hai vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không thành. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Trần Đức T và chị Nguyễn Thị Như Q thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

Về con chung: anh Trần Đức T và chị Nguyễn Thị Như Q xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Gia L, sinh ngày 02/6/2017 và cháu Trần Huyền A, sinh ngày 19/12/2018. Khi ly hôn, anh T và chị Q thống nhất thỏa thuận giao cả 02 cháu L và cháu Huyền A cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay anh T đang ở Canada nên anh chị thống nhất thỏa thuận tạm giao cháu L và cháu Huyền A cho ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị B (bố mẹ đẻ anh T) nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi anh T trở về Việt Nam. Chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị B trình bày: ông bà là bố mẹ đẻ của anh Trần Đức T. Về việc anh T và chị Q ly hôn ông bà hoàn toàn nhất trí và tôn trọng nguyện vọng của anh chị. Về con chung ông T, bà B đồng ý sẽ thay mặt anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L và cháu Huyền A trong thời gian anh T ở nước ngoài cho đến khi anh T trở về Việt Nam. Ông T, bà B cũng cam kết sẽ tạo mọi điều kiện để cháu L và cháu Huyền A được chăm sóc tốt nhất. Ông T, bà B không đặt ra vấn đề cấp dưỡng đối với anh T và chị Q trong thời gian ông bà nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L và cháu Huyền A.

Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp: anh T và chị Q thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự và các chi phí tố tụng khác: anh T và chị Q thống nhất chị Q chịu toàn bộ.

Anh T, chị Q đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt anh chị. Ông T, bà B cùng đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông bà.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết

việc dân sự và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Đức T và chị Nguyễn Thị Như Q. Về con chung: giao cháu Trần Nguyễn Gia L, sinh ngày 02/6/2017 và cháu Trần Huyền A, sinh ngày 19/12/201 cho anh Trần Đức T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh Trần Đức T ở nước ngoài, tạm giao cháu L và cháu Huyền A cho ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi anh Trần Đức T về nước đón các cháu. Chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Về lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí tố tụng khác: chị Nguyễn Thị Như Q phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A, Tòa án nhân dân tỉnh A nhận định:

Trong Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự thể hiện anh T đang ở nước ngoài. Tại văn bản số 13995/QLXNC-P3 ngày 02/7/2024 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an đã cung cấp thông tin như sau: *"Theo dữ liệu Cục quản lý xuất nhập cảnh quản lý; có trường hợp Trần Đức T, sinh ngày 10/10/1992 tại Quảng Bình; CMND số 044092000220, khai hộ khẩu thường trú tại: TDP 4, Hải Thành, Đồng Hải, Quảng Bình; đã xuất nhập cảnh 05 lần, lần cuối sử dụng hộ chiếu số C5050806 đề xuất cảnh ngày 10/9/2018 qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất, hiện chưa có thông tin nhập cảnh "*. Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh A thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

-Về quan hệ hôn nhân: quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Đức T và chị Nguyễn Thị Như Q là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Trần Đức T và chị Nguyễn Thị Như Q đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do đó, việc anh T và tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình. chị Q thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, được chấp nhận theo quy định

Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết của anh Thành trong Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự; Bản tự khai của anh T gửi về Việt Nam. Tại Kết luận giám định số: 1044/KLGĐ-KTHS ngày 02/8/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh A đã kết luận: *"Chữ ký dạng chữ viết "Thành" và các chữ "Trần Đức T" dưới mục "Họ và tên chồng. Người khai" trên "Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự; Bản tự khai" ngày 12/6/2024 mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký dạng chữ viết "Thành" và các chữ "Trần Đức T" dưới mục "Chồng" trên "Giấy chứng nhận kết hôn" mẫu so sánh (ký hiệu M)*

là do cùng một người ký và viết ra". Do vậy, có đủ cơ sở để khẳng định rằng việc anh T thuận tình ly hôn với chị Q là hoàn toàn tự nguyện.

- Về con chung: Từ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ xác định anh Trần Đức T và chị Nguyễn Thị Như Q có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Gia L, sinh ngày 02/6/2017 và cháu Trần Huyền A, sinh ngày 19/12/2018. Sau khi ly hôn anh T và chị Q thống nhất thỏa thuận giao cả 02 cháu L và cháu Huyền A cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay anh T đang ở Canada nên anh chị thống nhất thỏa thuận tạm giao cháu L và cháu Huyền A cho ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị B (bố mẹ đẻ anh T) nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi anh T trở về Việt Nam. Xét thấy, anh T hiện đang ở nước ngoài còn cháu L và cháu Huyền A hiện đang được ông T, bà B chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp. Ông T, bà B cũng hoàn toàn nhất trí với thỏa thuận về con chung giữa anh T và chị Q. Do vậy, thỏa thuận giữa anh T, chị Q, ông T, bà B về vấn đề con chung là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp: anh T và chị Q thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí tố tụng khác: chị Q phải chịu lệ phí theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370 và Điều 371 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83 và Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Đức T và chị Nguyễn Thị Như Q.

[2] Về con chung: Giao cháu cháu Trần Nguyễn Gia L, sinh ngày 02/6/2017 và cháu Trần Huyền A, sinh ngày 19/12/2018 cho anh Trần Đức T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 8/2024 cho đến khi thành niên. Tạm giao cháu L và cháu Huyền A cho ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi anh T trở về Việt Nam. Chị Nguyễn Thị Như Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Như Q có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[31] Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp: anh Trần Đức T và chị Nguyễn Thị Như Q thống nhất không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí giám định:

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: chị Nguyễn Thị Như Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự. Xác nhận chị Nguyễn Thị Như Q (do chị Lê Thị Thanh H nộp thay) đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000231 ngày 18/7/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh A.

- Về chi phí giám định: Chị Nguyễn Thị Như Q phải chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền chi phí giám định. Xác nhận chị Nguyễn Thị Như Q đã nộp đủ số tiền trên.

[5] Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh A;
- Cục THADS tỉnh A;
- UBND phường H;
- Đương sự;
- Lưu: AV, HSVA.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Viết Anh